TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/KDTM-PT
Ngày 26/9/2022
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thúy Hằng
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Hồng Ánh và ông Bùi Đức Thanh
***Thư ký phiên tòa*:** bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Cúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-KDTM ngày 04/8/2022 về việc:"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2022/QĐ-PT ngày 31/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2022/QĐ - PT ngày 15/9/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Ngân hàng T** (V); địa chỉ trụ sở: số 89, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Người đại diện: ông **Vương Văn T** – Chức vụ: Trưởng Bộ phận xử lý nợ - V và ông **Nguyễn Huy P** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - V; địa chỉ liên hệ: Ngân hàng V - Chi nhánh Quảng Ninh, phường BĐ, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số: 3439C/2020/UQ-VPB ngày 01/12/2020. Ông Vương Văn T, vắng mặt; ông Nguyễn Huy P, có mặt.

2. *Bị đơn:* anh **Tô Xuân T** và chị **Bùi Thanh N**; cùng địa chỉ: tổ 2, khu 9A, phường QH, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Tô Thế Tr** và bà **Nguyễn Thị Th**; cùng địa chỉ: thôn Lán Dè (nay là thôn Chợ), xã Vũ Oai, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh **Tạ Duy K**; địa chỉ: tổ 4, khu 4, phường Mông Dương, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Anh **Hoàng Văn P**; địa chỉ: số nhà 54, khu H, phường C, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo*: nguyên đơn Ngân hàng T (V).

5. *Người kháng nghị*: Viện Trưởng – Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2020, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng T (V) trình bày*: V và anh Tô Xuân T - chị Bùi Thanh N có các quan hệ tín dụng như sau:

1. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 3120882 ngày 31/3/2015, khế ước nhận nợ lần 01/Số 3120882 ngày 01/4/2015 (Số LD1509100817), với các điều khoản chính: số tiền vay 840.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 01/4/2015 đến ngày 01/4/2020; mục đích sử dụng vốn: thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu HOWO 371HP ZZ3257N3847A mới 100%; lãi suất 6,99%/năm, cố định trong 06 tháng đầu, sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: đã trả được 510.103.568 đồng, trong đó: nợ gốc là 338.375.959 đồng; nợ lãi là 171.727.609 đồng. V yêu cầu anh T - chị N trả tổng số tiền là 951.384.136 đồng, trong đó: nợ gốc là 501.624.041 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.003.500 đồng, nợ lãi quá hạn là 442.756.595 đồng.

2. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8858541 ngày 01/9/2016, khế ước nhận nợ lần 01/Số 8858541 ngày 06/9/2016 (Số LD1625001145), với các điều khoản chính: số tiền vay 480.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng từ ngày 06/9/2016 đến ngày 06/9/2020; mục đích sử dụng vốn: mua xe ô tô CNHTC sản xuất năm 2014, số khung LZZ5ELSD1EN932792; lãi suất cho vay: 11,5% và điều chỉnh từng kỳ theo hợp đồng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày 21/01/2021, đã trả được 173.832.625 đồng, trong đó: nợ gốc là 136.000.447 đồng; nợ lãi là 37.832.178 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm còn nợ tổng số tiền: 692.488.829 đồng, trong đó: nợ gốc là 343.999.553 đồng; nợ lãi trong hạn là 9.221.380 đồng và lãi quá hạn là 339.267.896 đồng.

3. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 14/7/2016, khế ước nhận nợ lần 01/Số 8211833 ngày 14/7/2016 (Số LD1619700156), với các điều khoản chính: số tiền vay 690.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng, từ ngày 14/7/2016 đến ngày 14/7/2020; mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh tạp hóa; lãi suất 12,5%/ năm, điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần, ngày điều chỉnh đầu tiên từ ngày 01/01/2017; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: đến ngày 13/6/2019, đã trả được tổng số tiền: 933.403.781 đồng, trong đó: nợ gốc là 690.000.000 đồng; nợ lãi là

243.403.781 đồng. V đã xử lý tài sản thế chấp, trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn Lán Dè, xã Vũ Oai, huyện Hoành Bồ (nay là thành phố HL), tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R239608, vào sổ cấp GCN: 00008 QSDĐ do UBND huyện Hoành Bồ (nay là thành phố HL), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/10/2003 mang tên người sử dụng đất ông Tô Thế Tr và bà Nguyễn Thị Th theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5846916 ngày 07/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5846916 ngày 07/01/2016) ngày 14/7/2016 cho ông Tô Thế Tr và bà Nguyễn Thị Th. Ngày 04/6/2021,V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: nghĩa vụ trả nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 14/7/2016, khế ước nhận nợ lần 01/Số 8211833 ngày 14/7/2016 (Số LD1619700156) và xử lý đối với tài sản thế chấp của ông Tô Thế Tr và bà Nguyễn Thị Th. Từ ngày 13/6/2019 khoản vay này đã chấm dứt không phát sinh nợ lãi. V yêu cầu anh T – chị N trả số tiền lãi còn lại là 291.737.725 đồng.

4. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8435985 ngày 28/7/2016, khế ước nhận nợ lần 01/Số 8435985 ngày 28/7/2016 (Số LD1621000959), với các điều khoản chính: số tiền vay 700.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 28/7/2016 đến ngày 28/7/2023; mục đích sử dụng vốn: vay mua chiếc xe ô tô Ford Ranger 4x4 AT 3,2L mới 100%; lãi suất 9,49%/năm, cố định 12 tháng đầu; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: đã trả được 754.810.845 đồng, trong đó: nợ gốc là 700.000.000 đồng; nợ lãi là 54.810.845 đồng, chỉ còn nợ 197.737.725 đồng tiền lãi. V yêu cầu anh T - chị N trả 197.286.408 đồng tiền lãi còn lại.

- Tài sản bảo đảm cho 04 hợp đồng tín dụng trên gồm có:

Tài sản thứ nhất: 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ, màu xanh, nhãn hiệu CNHTCZZ, số khung LSD4EN932799, số máy 141007024377, biển kiểm soát: 14C - 119.83, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009003 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30/3/2015 mang tên anh Tô Xuân Tường, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3120882 ngày 31/3/2015 giữa V – Chi nhánh Quảng Ninh với anh Tô Xuân T - chị Bùi Thanh N.

Tài sản thứ hai: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn Lán Dè, xã Vũ Oai, huyện Hoành Bồ (nay là thành phố HL), tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R239608, do Ủy ban nhân dân huyện Hoành Bồ (nay là thành phố HL), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/10/2003 mang tên người sử dụng đất ông Tô Thế Tr và bà Nguyễn Thị Th, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5846916 ngày 07/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khá số 5846916 ký ngày 07/01/2016) ngày 14/7/2016. Ngày 04/6/2021, V đã có đơn xin rút yêu cầu xử lý đối với tài sản bảo đảm này.

Tài sản thứ ba: 01 xe ô tô tải tự đổ, màu xanh nhãn hiệu CNHTC; số khung: LSD1EN932792; số máy: 141007024507; biển kiểm soát: 14C-175.36; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024464 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31/8/2016 mang tên anh Tô Xuân Tường, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 8858541 ngày 01/9/2016 giữa V – Chi nhánh Quảng Ninh với anh Tô Xuân T - chị Bùi Thanh N.

Đối với tài sản bảo đảm là 02 xe ô tô biển kiểm soát 14C- 175.36 và 14C - 119.83, sau khi anh T - chị N thế chấp cho V, V đã giao xe cho anh T - chị N quản lý. V chỉ cấp lưu hành cho 02 xe ô tô hoạt động 06 tháng/ lần, V không kiểm tra thường xuyên tài sản bảo đảm mà chỉ kiểm tra thông qua việc cấp lưu hành. V không cấp lưu hành cho 02 xe ô tô nêu trên từ tháng 12/2017; khoảng năm 2018, V có nhận được thông báo của anh T về việc anh T bán xe cho người khác nhưng không rõ bán cho ai, xe ô tô đang ở đâu nên không thuộc trường hợp ngân hàng có thể thu tài sản bảo đảm theo thỏa thuận. Hiện V xác định không biết 02 xe ô tô trên đang ở đâu. V không yêu cầu anh T - chị N phải bồi thường thiệt hại 02 xe ô tô trên, yêu cầu được xử lý tài sản bảo đảm là 02 xe ô tô nêu trên để thu hồi nợ cho 04 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Do anh T - chị N vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận, cam kết tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với V như nêu trên. V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh T – chị N có nghĩa vụ trả nợ cho V các khoản nợ còn lại của 04 hợp đồng tín dụng như nêu trên; yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng: số 3120882 ngày 31/03/2015 và số 8858541 ngày 01/9/2016, cho đến ngày anh T - chị N thực tế thanh toán hết nợ cho V. Đối với các hợp đồng tín dụng: số 8211833 và số 8435985, V chỉ yêu cầu anh T – chị N trả số tiền nợ lãi còn lại, không yêu cầu tính lãi chậm trả từ sau khi xét xử sơ thẩm.

- Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V, gồm các tài sản sau:

Tài sản thứ nhất: xe ô tô Biển kiểm soát: 14C - 119.83 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3120882 ngày 31/3/2015.

Tài sản thứ hai: xe ô tô Biển kiểm soát: 14C-175.36 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 8858541 ngày 01/9/2016.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì anh T và chị N vẫn phải tiếp tục trả nợ cho V cho đến khi tất toán xong các khoản nợ.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N, trình bày:*

thừa nhận các khoản vay theo 04 hợp đồng tín dụng như V trình bày và anh chị đã nhận đủ số tiền vay theo 04 hợp đồng tín dụng, đồng thời ký các hợp đồng thế chấp tài sản với V để bảo đảm các khoản vay như nêu trên. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng đã trả được một số nợ gốc, lãi của các hợp đồng tín dụng và V đã giải chấp tài sản bảo đảm của ông Tr – bà Thục. Đến nay anh chị xin được V giảm tiền lãi và được trả nợ dần hàng tháng. Đối với tài sản bảo đảm là 02 xe ô tô biển kiểm soát 14C-175.36 và 14C-119.83, anh T đã bán cho anh Phong và anh K, đến nay anh chị không biết 02 xe ô tô bây giờ đang ở đâu và xác định tài sản thế chấp không còn. Hiện tại, anh chị không có tài sản nào khác để thay thế cho 02 xe ô tô này cho V; số tiền bán 02 xe ô tô, anh T đã sử dụng hết. Anh chị không mua bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm và xin có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ do V yêu cầu khi không còn tài sản bảo đảm.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tô Thế Tr và bà Nguyễn Thị Th trình bày:* ông bà có thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 3705m^2 và tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R239608, ngày 10/10/2003 mang tên người sử dụng đất ông Tô Thế Tr và bà Nguyễn Thị Th để cho anh T vay vốn tại V theo các hợp đồng tín dụng với số tiền 400.000.000 đồng và 690.000.000 đồng, ngoài ra không bảo đảm cho khoản vay nào khác. Ông bà đã trả xong 02 khoản vay này và đã được V giải chấp tài sản thế chấp.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn P trình bày*: khoảng năm 2018, anh có mua xe ô tô biển kiểm soát 14C-175.36 của anh Tô Xuân T với giá 950.000.000 đồng, anh mới trả anh T khoảng 430.000.000 đồng do anh T chưa đưa giấy đăng ký xe cho anh nên anh chưa trả hết tiền mua xe cho anh T, anh không biết chiếc xe ô tô này là tài sản anh T đã thế chấp vay tiền của V. Sau đó anh đã bán xe cho người không quen biết được 150.000.000 đồng, số tiền này anh đã chi tiêu hết. Đến nay anh không xác định được chiếc xe ô tô biển kiểm soát 14C-175.36 đang ở đâu.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tạ Duy K trình bày*: khoảng năm 2018, tôi có mua xe ô tô biển kiểm soát 14C-119.83 của anh Tô Xuân T với giá 600.000.000 đồng, tôi đã trả cho anh T 535.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận miệng, giấy đăng ký xe anh T bảo mấy ngày sau đưa, tôi không biết chiếc xe ô tô này là tài sản anh T đã thế chấp cho V để vay tiền. Sau nhiều lần đòi anh T giấy đăng ký xe không được, xe bị hư hỏng nên tôi đã bán xe cho người không quen biết trên mạng xã hội, người mua xe nói: xe cũ không sử dụng được nữa nên sẽ cắt bán sắt vụn. Tôi bán xe được 100.000.000 đồng, số tiền này tôi đã sử dụng hết. Đến nay, tôi không xác định được chiếc xe ô tô biển kiểm soát 14C-119.83 đang ở đâu.

Với nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM - ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 147, 271, 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2, 5 Điều 424, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T (V).

2. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho V số tiền bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 3120882 ngày 31/3/2015, khế ước nhận nợ số 3120882 ngày 01/4/2015 tổng số tiền: **951.384.136** đồng (chín trăm năm mươi mốt triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn một trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc: **501.624.041** đồng (năm trăm linh một triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi một đồng), lãi trong hạn **7.003.500** đồng (bảy triệu ba nghìn năm trăm đồng) , lãi quá hạn: **442.756.595** đồng (bốn trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng). Hợp đồng tín dụng số 8858541 ngày 01/9/2016, khế ước nhận nợ số 8858541 ngày 06/9/2016 tổng số tiền là: **692.488.829** đồng (sáu trăm chín mươi hai triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn tám trăm hai mươi chín đồng) trong đó nợ gốc: 343.999.553 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu chín trăm chín mươi chín nghìn năm trăm năm mươi ba đồng); nợ lãi trong hạn: 9.221.380 đồng (chín triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm tám mươi đồng**)**, lãi quá hạn là 339.267.896 đồng (ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/6/2022), buộc anh Tô Xuân Tường, chị Bùi Thanh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng 3120882 ngày 31/3/2015, khế ước nhận nợ số 3120882 ngày 01/4/2015 và hợp đồng tín dụng số 8858541 ngày 01/9/2016, khế ước nhận nợ số 8858541 ngày 06/9/2016 cho đến khi trả hết nợ cho VP bank.

3. Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là 2 xe ô tô biển số 14C-175.36 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 8858541 ngày 01/09/2016 và 14C-119.83 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3120882 ngày 31/03/2015 giữa V với anh Tô

Xuân T và chị Bùi Thanh N. Chấm dứt Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 8858541 ngày 01/09/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3120882 ngày 31/03/2015 giữa V với anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N.

4. Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5846916 ký ngày 07/01/2016, công chứng ngày 14/07/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/7/2016 giữa V với ông Tô Thế Tr và bà Nguyễn Thị Th.

5. Buộc anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N phải trả cho V số tiền nợ lãi còn lại của hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 14/7/2016 là: 291.737.725 đồng (hai trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng).

6. Ghi nhận sự thỏa thuận của V với anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng 8435985 ngày 28/7/2016. Buộc anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N phải trả cho V số tiền nợ lãi còn lại của hợp đồng tín dụng 8435985 ngày 28/7/2016 là: **197.286.408** đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm linh tám đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

- Ngày 27/6/2022, nguyên đơn Ngân hàng T (V) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do: bản án sơ thẩm đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

- Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 17/QĐ-VKS-KDTM ngày 01/7/2022 của Viện Trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, do có những vi phạm sau:

1. Về tố tụng:

V khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên: (1) anh T, chị N phải trả nợ theo 04 hợp đồng tín dụng kể trên, tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh T và chị N thực tế thanh toán hết nợ cho V; (2) yêu cầu cơ quan cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo đối với 03 tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô BKS 14C-119.83, 01 xe ô tô BKS 14C-175.36 và quyền sử dụng đất...Bản án tuyên chấp nhận yêu cầu trả nợ, không chấp nhận xử lý tài sản đảm bảo là đúng phạm vi đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bản án còn tuyên chấm dứt hợp đồng thế chấp trong khi không có đương sự nào trong vụ án có yêu cầu, là vượt quá phạm vi khởi kiện, vi phạm Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án: ngày 04/6/2021, V có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện: (1) rút một phần yêu cầu thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 14/7/2016, khế ước nhận nợ lần 01/số 8211833 ngày 14/7/2016 (số LD 1619700156), chỉ yêu cầu anh T, chị N trả phần dư nợ còn lại 291.737.725 đồng;

(2) rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất do đã tiến hành giải chấp xong. Mặc dù vậy, bản án chỉ quyết định đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, là không thiếu sót, vi phạm khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.Về nội dung:

Bản án tuyên chấm dứt hợp đồng thế chấp và không chấp nhận xử lý tài sản đảm bảo đối với 02 chiếc xe ô tô BKS 14C-119.83 và BKS 14C-175.36 là không có căn cứ và trái với nội dung thỏa thuận tại các hợp đồng thế chấp đã ký. Vì: tài sản đảm bảo nêu trên mặc dù đã bị anh T bán cho người khác, nhưng hiện tại V đang thu giữ giấy tờ đăng ký sở hữu. Tại công văn số 1351 ngày 09/6/2022 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt - Công an tỉnh Quảng Ninh xác định: anh T chưa làm thủ tục sang tên, chuyển nhượng quyền sở hữu 02 xe ô tô trên cho người khác; phiếu trả lời xác minh Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt - Công an tỉnh Quảng Ninh xác định trạng thái 02 xe ô tô trên đang lưu hành. Anh T, anh Phong và anh K không cung cấp được chứng cứ chứng minh tài sản đảm bảo đã bị tiêu hao, hủy hoại và không còn giá trị. Nên không thuộc trường hợp bị chấm dứt hợp đồng thế chấp theo Điều 357, khoản 5 Điều 424 Bộ luật Dân sự năm 2005. Bản án tuyên chấm dứt hợp đồng thế chấp từ đó không chấp nhận xử lý tài sản đảm bảo này là trái với nội dung các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của V.

3. Về áp dụng pháp luật:

Các hợp đồng tín dụng: số 3120882 được ký kết vào ngày 31/3/2015 với thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 01/4/2015 đến 01/4/2020; số 8211833 được ký kết vào ngày 14/7/2016 với thời hạn vay 48 tháng, kể từ ngày 14/7/2016 đến 14/7/2020; số 8435985 được ký kết vào ngày 28/7/2016 với thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày 28/7/2016 đến 28/7/2023; số 8858541 được ký kết vào ngày 01/9/2016 với thời hạn vay 48 tháng, kể từ ngày 06/9/2016 đến 06/9/2020.

Như vậy, thời điểm các hợp đồng nói trên ký kết được Bộ luật Dân sự năm 2005 điều chỉnh; trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định: 04 khoản vay trên là giao dịch dân sự đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì phải áp dụng của quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là không phù hợp, vi phạm điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng T (V) là ông Nguyễn Huy P trình bày: V không rút đơn khởi kiện; rút một phần kháng cáo, cụ thể là rút kháng cáo về phần nghĩa vụ trả nợ của anh T và chị N.

- Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị.

- Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện của nguyên đơn V là ông Nguyễn Huy P trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo: bản án sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là 02 xe ô tô: biển kiểm soát 14C-175.36 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 8858541 ngày 01/9/2016 và biển kiểm soát 14C-119.83 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3120882 ngày 31/3/2015, giữa V với anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N. Chấm dứt Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 8858541 ngày 01/9/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3120882 ngày 31/3/2015 giữa V với anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N, là đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của V, với lý do: tại các hợp đồng thế chấp xe ô tô đều có điều khoản V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm, Bộ luật Dân sự đều quy định: bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Việc chấm dứt hợp đồng thế chấp theo quy định tại Điều 357; Điều 424 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, là chưa đảm bảo vì theo xác nhận của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt – Công an tỉnh Quảng Ninh thì 02 xe ô tô vẫn đang lưu hành, anh T chưa làm thủ tục sang tên, chuyển quyền sở hữu các xe ô tô; V, anh T, anh Phong và anh K chỉ không xác định các xe ô tô đang ở đâu chứ không phải tài sản không còn. Ngoài ra, tại phần nhận định của bản án sơ thẩm còn nhận định:... "Đối với xe ô tô biển số 14C- 119.83 được ký kết tại hợp đồng thế chấp số 3120882 ngày 31/03/2015 để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 3120882 ngày 31/03/2015. Xe ô tô biển số 14C-175.36 được ký kết tại hợp đồng thế chấp số 8858541 ngày 01/9/2016 để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 8858541 ngày 01/9/2016. Theo thỏa thuận tại điều 2 của hợp đồng thế chấp số 8858541 ngày 01/9/2016 trên phù hợp về mặt thời gian ký kết các hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 15/7/2016 và 8435985 ngày 28/7/2016 nhưng không có một văn bản nào khác được ký kết giữa anh chị Tường, Nhàn với V xác định 2 xe ô tô 14C- 119.83, 14C-175-36 có đăng ký giao dịch bảo đảm để bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng khác vì vậy thoản thuận tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp số 8858541 vi phạm khoản 2 Điều 324 Bộ luật dân sự năm 2005 "Mỗi lần bảo đảm phải lập thành văn bản" và "thế chấp một tài sản để bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ" bắt buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 12/3/2006 về giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp số 3120882 ký kết ngày ngày 31/03/2015 do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu

của V về việc xử lý 2 xe ô tô 14C- 119.83, 14C-175-36 là tài sản bảo đảm cho cả 4 hợp đồng tín dụng V khởi kiện mà chỉ chấp nhận 2 xe ô tô là tài sản bảo đảm cho 2 hợp đồng tín dụng ký kết số 3120882 ngày 31/03/2015 và số 8858541 ngày 01/9/2016", là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của V. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, sử án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu: V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V, gồm các tài sản sau: xe ô tô Biển kiểm soát: 14C - 119.83 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3120882 ngày 31/3/2015 và xe ô tô Biển kiểm soát: 14C-175.36 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 8858541 ngày 01/9/2016.

- Kiểm sát viên trình bày về nội dung kháng nghị, căn cứ của việc kháng nghị (nội dung theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 17/QĐ-VKS-KDTM ngày 01/7/2022 của Viện Trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh).

- Người đại diện của nguyên đơn V, ông Nguyễn Huy P trình bày ý kiến về nội dung kháng nghị và đề nghị của mình: đồng ý với các nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát.

- Các bị đơn trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo của nguyên đơn V, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát và ý kiến của mình: không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn V và kháng nghị của Viện kiểm sát.

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên, đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự (trừ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Tạ Duy K và anh Hoàng Văn P) đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Tạ Duy K và anh Hoàng Văn P, thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: phân tích các tình tiết của vụ án và đưa ra căn cứ cho thấy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh đã có vi phạm như kháng nghị của Viện kiểm sát đã nêu; nội dung kháng cáo của nguyên đơn V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của V phù hợp với một phần kháng nghị của Viện kiểm sát. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của nguyên đơn V, sửa Bản án sơ thẩm. Đối với nội dung kháng cáo nguyên đơn V đã rút tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn V và kháng nghị của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Tô Thế Tr – bà Nguyễn Thị Th, anh Tạ Duy K và anh Hoàng Văn P đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Ông Tô Thế Tr – bà Nguyễn Thị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh Tạ Duy K và anh Hoàng Văn P, vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn V phù hợp với một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của nguyên đơn V và kháng nghị của Viện kiểm sát:

[2.1] Đối với nội dung V khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên: (1) anh T - chị N phải trả nợ theo 04 hợp đồng tín dụng, tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh T và chị N thực tế thanh toán hết nợ cho V; (2) yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo đối với 03 tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô biển kiểm soát 14C-119.83, 01 xe ô tô biển kiểm soát 14C-175.36 và quyền sử dụng đất...Bản án tuyên chấp nhận yêu cầu trả nợ, không chấp nhận xử lý tài sản đảm bảo là đúng phạm vi đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bản án còn tuyên chấm dứt hợp đồng thế chấp trong khi không có đương sự nào trong vụ án có yêu cầu, là vượt quá phạm vi khởi kiện, vi phạm Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy: để có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V về việc yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo đối với 03 tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô biển kiểm soát 14C-119.83, 01 xe ô tô biển kiểm soát 14C-175.36 và quyền sử dụng đất...cần phải xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng thế chấp. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ra các căn cứ tuyên chấm dứt hợp đồng thế chấp, không chấp nhận yêu cầu của V về việc được yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo đối với 02 tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 14C-119.83 và xe ô tô biển kiểm soát 14C-175.36, là đúng yêu cầu khởi kiện của V. Nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là không có căn cứ.

[2.2] Đối với nội dung quá trình giải quyết vụ án: ngày 04/6/2021, V có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện: (1) rút một phần yêu cầu thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 14/7/2016, khế ước nhận nợ lần 01/số 8211833 ngày 14/7/2016 (số LD 1619700156), chỉ yêu cầu anh T - chị N trả phần dư nợ còn lại là 291.737.725 đồng; (2) rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất do đã tiến hành giải chấp xong. Bản án sơ thẩm chỉ nhận định và quyết định đình chỉ xét xử đối với nội dung rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, là không xem xét giải quyết hết yêu cầu rút yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn V, vi phạm khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[2.3] Đối với nội dung các hợp đồng tín dụng: số 3120882 được ký kết vào ngày 31/3/2015 với thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 01/4/2015 đến 01/4/2020; số 8211833 được ký kết vào ngày 14/7/2016 với thời hạn vay 48 tháng, kể từ ngày 14/7/2016 đến 14/7/2020; số 8435985 được ký kết vào ngày 28/7/2016 với thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày 28/7/2016 đến 28/7/2023; số 8858541 được ký kết vào ngày 01/9/2016, với thời hạn vay 48 tháng, kể từ ngày 06/9/2016 đến 06/9/2020. Thời điểm, ký kết các hợp đồng nêu trên, Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực; trong thời gian thực hiện các hợp đồng tín dụng này, Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Hội đồng xét xử xét thấy: các hợp đồng tín dụng này được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực; các hợp đồng đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về Hợp đồng dân sự để giải quyết tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là không đúng quy định pháp luật. Nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[2.4] Đối với nội dung bản án sơ thẩm tuyên chấm dứt hợp đồng thế chấp và không chấp nhận xử lý tài sản đảm bảo đối với 02 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 14C-119.83 và biển kiểm soát 14C-175.36, là không có căn cứ và trái với nội dung thỏa thuận tại các hợp đồng thế chấp đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy:

Để bảo đảm các khoản vay của anh T – chị N theo các hợp đồng tín dụng số 3120882 được ký kết vào ngày 31/3/2015; số 8211833 được ký kết vào ngày 14/7/2016; số 8435985 được ký kết vào ngày 28/7/2016 và số 8858541 được ký kết vào ngày 01/9/2016, giữa bên cho vay V – Chi nhánh Quảng Ninh và bên vay anh T – chị N, anh T – chị N đã thế chấp cho V – Chi nhánh Quảng Ninh: 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ, màu xanh, nhãn hiệu CNHTCZZ, số khung LSD4EN932799, số máy 141007024377, biển kiểm soát 14C - 119.83, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009003 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt - Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30/3/2015 mang tên anh Tô Xuân T theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3120882 ngày 31/3/2015 và 01 xe ô tô tải tự đổ, màu xanh nhãn hiệu CNHTC, số khung LSD1EN932792, số máy 141007024507, biển kiểm soát 14C-175.36, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024464 do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt - Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31/8/2016 mang tên anh Tô Xuân T theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 8858541 ngày 01/9/2016, đều giữa V – Chi nhánh Quảng Ninh với anh Tô Xuân T - chị Bùi Thanh N. Việc các bên ký kết các hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật.

Đối với xe ô tô biển kiểm soát số 14C- 119.83, là tài sản của Hợp đồng thế chấp số 3120882 ngày 31/3/2015 để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 3120882 ngày 31/3/2015. Tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp này có nội dung: "Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 hợp đồng này đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ - bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi... và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác – của Bên thế chấp đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng, văn kiện tín dụng... ký giữa Bên Ngân hàng và Bên thế chấp trong khoảng thời gian

kể từ ngày 31/3/2015 đến ngày 31/3/2018". Do đó xe ô tô biển kiểm soát 14C-119.83 cũng là tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của anh T – chị N theo Hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 14/7/2016, khế ước nhận nợ lần 01/Số 8211833 ngày 14/7/2016 (Số LD1619700156), Hợp đồng tín dụng số 8435985 ngày 28/7/2016, khế ước nhận nợ lần 01/Số 8435985 ngày 28/7/2016 (Số LD1621000959) và cả Hợp đồng tín dụng số 8858541 ngày 01/9/2016, khế ước nhận nợ lần 01/Số 8858541 ngày 06/9/2016 (Số LD1625001145) vì các hợp đồng tín dụng này đều được ký trong khoảng thời gian kể từ ngày 31/3/2015 đến ngày 31/3/2018.

Đối với xe ô tô biển kiểm soát số 14C-175.36, là tài sản của Hợp đồng thế chấp số 8858541 ngày 01/9/2016 để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 8858541 ngày 01/9/2016. Tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp này có nội dung: "Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 hợp đồng này đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ - bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi...và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác – của Bên thế chấp đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng, văn kiện tín dụng... ký giữa Bên Ngân hàng và Bên thế chấp trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/9/2016 đến ngày 01/9/2019". Do đó xe xe ô tô biển kiểm soát 14C-175.36 chỉ là tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của anh T – chị N theo hợp đồng tín dụng số 8858541 ngày 01/9/2016, không phải là tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của anh T – chị N theo Hợp đồng tín dụng số 3120882 ngày 31/3/2015, khế ước nhận nợ lần 01/Số 3120882 ngày 01/4/2015 (Số LD1509100817), Hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 14/7/2016, khế ước nhận nợ lần 01/Số 8211833 ngày 14/7/2016 (Số LD1619700156) và Hợp đồng tín dụng số 8435985 ngày 28/7/2016, khế ước nhận nợ lần 01/Số 8435985 ngày 28/7/2016 (Số LD1621000959) vì các hợp đồng tín dụng này đều được ký trước khoảng thời gian kể từ ngày 01/9/2016 đến ngày 01/9/2019.

Tuy nhiên, sau khi ký các hợp đồng thế chấp nêu trên, V giao 02 xe ô tô cho anh T - chị N quản lý sử dụng; V chỉ cấp lưu hành cho 02 xe ô tô hoạt động 06 tháng/1 lần, V không kiểm tra thường xuyên tài sản thế chấp mà chỉ kiểm tra thông qua việc cấp lưu hành xe, V đã không cấp lưu hành cho 02 xe ô tô nêu trên từ tháng 12/2017. Khoảng năm 2018, V nhận được thông báo của anh T về việc anh T đã bán 02 xe ô tô cho người khác nhưng không rõ bán cho ai, không xác định được 02 xe ô tô ở đâu nhưng V không có biện pháp gì bảo vệ quyền lợi của bên nhận thế chấp, bỏ mặc đến ngày 12/12/2020 mới khởi kiện. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết: xác định anh T đã bán xe ô tô biển kiểm soát 14C-175.36 cho anh Hoàng Văn P và bán xe ô tô biển kiểm soát 14C- 119.83 cho anh Tạ Duy K; hiện anh K, anh Phong đã bán lại 02 xe ô tô này cho người không quen biết. V đã có đơn tố giác tội phạm gửi cơ quan điều tra có thẩm quyền. Tại công văn số: 7852/VPCQCSĐT ngày 30/11/2021 của Công an tỉnh Quảng Ninh đã xác định việc mua bán xe giữa anh T với anh K, anh Phong không có dấu hiệu tội phạm. Tại Công văn số: 1351/CSGT ngày 09/6/2022 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt - Công an tỉnh Quảng Ninh xác định: cho đến thời điểm hiện tại (ngày 09/6/2022) anh Tô Xuân T chưa làm thủ tục sang tên, chuyển quyền sở hữu xe tại Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt - Công an tỉnh Quảng Ninh và theo phiếu trả lời xác minh trạng thái 02 xe ô tô nêu trên, hiện đang lưu hành. Theo quy định tại khoản 9 Điều 21 của Nghị định số: 21/2021/NĐ - CP về giao dịch bảo đảm thì không thuộc trường hợp

không còn tài sản bảo đảm nhưng tại các biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa: các đương sự đều xác định không biết 02 xe ô tô nêu trên hiện nay đang ở đâu; anh T - chị N xác định không có tài sản nào khác để thay thế cho 02 xe ô tô nêu trên, không mua bảo hiểm cho 02 xe ô tô; tiền bán 02 xe ô tô anh T, anh K và anh Phong đã sử dụng hết. V yêu cầu có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V, không yêu cầu anh T - chị N bồi thường thiệt hại do tài sản thế chấp không còn. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên chấm dứt các hợp đồng thế chấp nêu trên nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của V về xử lý tài sản bảo đảm. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn V và nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo các nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận như nêu trên.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn V là ông Nguyễn Huy P đã rút kháng cáo về phần nghĩa vụ trả nợ của anh T và chị N. Căn cứ khoản 3 Điều 284 và khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo đã rút.

[4] Về án phí phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[5] Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm:

[5.1] Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm nhận định:

[5.1.1] "Đối với xe ô tô biển số 14C- 119.83 được ký kết tại hợp đồng thế chấp số 3120882 ngày 31/3/2015 để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 3120882 ngày 31/3/2015. Xe ô tô biển số 14C-175.36 được ký kết tại hợp đồng thế chấp số 8858541 ngày 01/9/2016 để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 8858541 ngày 01/9/2016. Theo thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp số 8858541 ngày 01/9/2016, là phù hợp về mặt thời gian ký kết các hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 14/7/2016 và số 8435985 ngày 28/7/2016"..., là không đúng như đã nhận định tại mục [2.4]. Ngoài ra, còn nhận định:... "nhưng không có một văn bản nào khác được ký kết giữa anh T - chị N với V xác định 02 xe ô tô 14C-119.83 và 14C-175.36 có đăng ký giao dịch bảo đảm để bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng khác vì vậy thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp số 8858541 ngày 01/9/2016 vi phạm khoản 2 Điều 324 Bộ luật Dân sự năm 2005 "Mỗi lần bảo đảm phải lập thành văn bản" và "Thế chấp một tài sản để bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ" bắt buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 12/3/2006 về giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp số 3120882 ký kết ngày 31/3/2015, do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của V về việc xử lý tài sản bảo đảm là 02 xe ô tô 14C- 119.83 và 14C-175-36 để thu hồi nợ cho cả 04 hợp đồng tín dụng V khởi kiện mà chỉ chấp nhận 02 xe ô tô này là tài sản bảo đảm cho 02 hợp đồng tín dụng số 3120882 ngày 31/3/2015 và số 8858541 ngày 01/9/2016", là không đúng quy định của pháp luật. Trường hợp

này theo quy định tại Điều 18 và khoản 3 Điều 23 của Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm thì không phải đăng ký vì tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 3120882 ngày 31/3/2015 các bên đã có thỏa thuận về việc bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai; các bên không phải thực hiện đăng ký thay đổi với trường hợp bổ sung nghĩa vụ bảo đảm: tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 3120882 ngày 31/3/2015 các bên đã có thỏa thuận về việc bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai (chỉ bổ sung nghĩa vụ nhưng không bổ sung tài sản bảo đảm).

[5.1.2] "Về chi phí tố tụng: tại phiên tòa V tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ) và không yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa án không đề cập xử lý" nhưng tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định về chi phí tố tụng, là vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.2] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là không đảm bảo quyền kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì tại phần mở đầu của bản án thể hiện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về những vi phạm nêu trên.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 284; khoản 3 Điều 289 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo về phần nghĩa vụ trả nợ của anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N đối với Ngân hàng T (V).

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng T (V); chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Sửa Bản án sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 157; khoản 2 Điều 244 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 299; Điều 320; Điều 323; khoản 5 Điều 422; Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T (V).

[2] Về nghĩa vụ trả nợ: buộc anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N phải có nghĩa

vụ trả cho Ngân hàng T (V) các khoản nợ sau đây:

- Số tiền **951.384.136** đồng *(Chín trăm năm mươi mốt triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, một trăm ba sáu đồng)*, trong đó: nợ gốc là **501.624.041** đồng *(Năm trăm linh một triệu, sáu trăm hai mươi tư nghìn, không trăm bốn mốt đồng)*; nợ lãi trong hạn là **7.003.500** đồng *(Bảy triệu, không trăm linh ba nghìn, năm trăm đồng)*; nợ lãi quá hạn là **442.756.595** đồng *(Bốn trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm chín lăm đồng)*, theo Hợp đồng tín dụng số 3120882 ngày 31/3/2015 và Khế ước nhận nợ số 3120882 ngày 01/4/2015.

- Số tiền **692.488.829** đồng *(Sáu trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm hai chín đồng)*, trong đó: nợ gốc là **343.999.553** đồng *(Ba trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm năm ba đồng)*; nợ lãi trong hạn là **9.221.380** đồng *(Chín triệu, hai trăm hai mươi mốt nghìn, ba trăm tám mươi đồng)*; nợ lãi quá hạn là **339.267.896** đồng *(Ba trăm ba mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm chín sáu đồng)*, theo Hợp đồng tín dụng số 8858541 ngày 01/9/2016 và Khế ước nhận nợ số 8858541 ngày 06/9/2016.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/6/2022), buộc anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3120882 ngày 31/3/2015, Khế ước nhận nợ số 3120882 ngày 01/4/2015 và Hợp đồng tín dụng số 8858541 ngày 01/9/2016, Khế ước nhận nợ số 8858541 ngày 06/9/2016, cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng T (V).

[3] Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T (V) về việc được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô biển kiểm soát 14C-119.83 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3120882 ngày 31/3/2015 và xe ô tô biển kiểm soát 14C-175.36 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 8858541 ngày 01/9/2016, đều giữa bên thế chấp anh Tô Xuân T - chị Bùi Thanh N với bên nhận thế chấp Ngân hàng T (V) – Chi nhánh Quảng Ninh.

Tuyên chấm dứt Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3120882 ngày 31/3/2015 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 8858541 ngày 01/9/2016, đều giữa bên thế chấp anh Tô Xuân T - chị Bùi Thanh N với bên nhận thế chấp Ngân hàng T (V) – Chi nhánh Quảng Ninh.

[4] Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn Ngân hàng T (V) đã rút là: yêu cầu thanh toán một phần khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 14/7/2016 và Khế ước nhận nợ lần 01/Số 8211833 ngày 14/7/2016 (số LD 1619700156), chỉ yêu cầu anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N có nghĩa vụ trả phần dư nợ còn lại là 291.737.725 đồng; yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5846916 ngày 07/01/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/7/2016 giữa bên thế chấp ông Tô Thế Tr - bà Nguyễn Thị Th với bên nhận thế chấp Ngân hàng T (V) – Chi nhánh Quảng Ninh.

Buộc anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T (V) số tiền nợ lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số 8211833 ngày 14/7/2016 và Khế ước nhận nợ lần 01/Số 8211833 ngày 14/7/2016 (số LD 1619700156) là **291.737.725**

đồng *(Hai trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm hai lăm đồng)*.

[5] Ghi nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng T (V) và anh Tô Xuân T - chị Bùi Thanh N về việc chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 8435985 ngày 28/7/2016.

Buộc anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T (V) số tiền nợ lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số 8435985 ngày 28/7/2016 và Khế ước nhận nợ lần 01/Số 8435985 ngày 28/7/2016 (Số LD1621000959) là **197.286.408** đồng *(Một trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm linh tám đồng)*.

[6] Về án phí:

Buộc anh Tô Xuân T và chị Bùi Thanh N phải chịu 74.658.000 đồng *(Bảy mươi tư triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng T (V) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại cho Ngân hàng T (V) 41.818.500 đồng *(Bốn mươi mốt triệu, tám trăm mười tám nghìn, năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005718 ngày 10/3/2021 và 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005150 ngày 28/6/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh.

[7] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng T (V) tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố CP;
- Chi cục THADS thành phố CP;
- Lưu VP; HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Hằng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh **Bùi Đức Thanh** **Nguyễn Thúy Hằng**